

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 93/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 29/4/2021

V/v chị C xin ly hôn anh T.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Đức**;

Bà **Nguyễn Thị Hoa**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện KSND huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐHPT-LH ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1991.

ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Hiện ở: Xóm 4, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh **Bùi Thúc T**, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Anh T vắng mặt. Chị C có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\*Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2021, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Tôi và anh Bùi Thúc T kết hôn ngày 25/11/2009. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu khoảng 3 - 4 tháng do bác chồng giới thiệu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn ở nhà chồng tại thôn N. Khi về nhà chồng chung sống, anh T làm nghề thợ mộc, còn tôi ở nhà làm nội trợ. Vợ chồng chung sống với nhau được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm hiểu kỹ nên chưa hiểu nhau, tính tình lại không hợp. Anh T hay nói quá, tôi cãi lại thì anh T đánh tôi. Khi tôi mang thai cháu thứ hai được khoảng 07 đến 08 tháng thì anh T nói tôi. Tôi cãi lại thì bị anh T dùng thắt lưng da đánh vào lưng tôi. Tôi bị sốc phải đi bệnh viện cứu chữa. Tổng cộng vợ chồng mâu thuẫn tôi đã 05 lần phải bỏ về nhà mẹ đẻ. Lần thứ nhất vào năm 2010 anh T đánh tôi. Tôi về nhà mẹ đẻ được khoảng 01 tuần thì anh T đến nhà xin lỗi và đón tôi về. Lần thứ hai vào năm 2013, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ anh T đánh tôi. Tôi bỏ về nhà mang theo cháu lớn được 01 tuần thì anh T lại đến xin lỗi đón tôi về. Đến tháng 10 năm 2014, vợ chồng mâu thuẫn anh T đánh tôi. Tôi bỏ về nhà mẹ đẻ mang theo cháu thứ hai được hơn 01 tháng thì anh T và gia đình chồng lại đến xin lỗi và đưa mẹ con tôi về. Năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn, anh T lại đánh tôi. Tôi mang cháu thứ hai về nhà mẹ đẻ được 06 tháng thì anh T lại đón về. Lần thứ năm vào ngày 16/02/2017 vợ chồng mâu thuẫn, anh T đánh tôi. Tôi mang cháu thứ hai về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Còn anh T bỏ đi làm ăn ở đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nên cháu lớn cũng về ở với tôi. Anh T có mấy lần gọi tôi về và có nhờ chi hội Phụ nữ thôn N và chi hội Phụ nữ thôn 4, xã C đến hòa giải, khuyên nhủ vợ chồng về đoàn tụ nhưng tôi thấy tính tình anh T không sửa chữa, không tu chí làm ăn, còn thường xuyên cờ bạc rượu chè nên tôi không muốn chung sống với anh T nữa. Từ đó anh T bỏ đi khỏi nhà làm ăn ở đâu tôi không quan tâm, anh T cũng không điện cho tôi hỏi thăm con. Tôi về nhà mẹ đẻ được khoảng một năm rưỡi thì đón cháu đầu về ở với tôi vì anh T bỏ đi làm ăn xa nhà, ông nội chăm cháu không được chu đáo còn bà nội thì đã mất. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không còn tôi cương quyết ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Bùi Việt C, sinh ngày 28/12/2010; Cháu Bùi Việt A, sinh ngày 08/7/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở với tôi. Nếu ly hôn tôi đề nghị được nuôi cháu A, còn anh T nuôi cháu C và không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không.

*\*Bị đơn anh Bùi Thúc T trình bày:*

Tôi và chị Nguyễn Thị C kết hôn ngày 25/11/2009. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu khoảng 3, 4 năm và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Khi tìm hiểu tôi làm mộc tại quê còn chị C làm nghề phụ ở nhà. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn và về thôn N chung sống tại nhà tôi. Khi về gia đình chồng chung sống, tôi vẫn làm nghề mộc còn chị C ở nhà nuôi con và làm nội trợ trong nhà. Đầu năm 2016 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi có bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau thì bố đẻ chị C không cần biết trái phải ra sao cứ thế đón về cùng cháu thứ hai. Tôi đã 3 lần lên nhà chị C đón về nhưng lần thứ tư tôi lên đón thì chị C không về nữa và vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Khi chị C đi khỏi nhà tôi về nhà mẹ đẻ được 3 tháng tôi có nhờ chi hội Phụ nữ xóm 4, xã C đến khuyên giải chị C đưa con về nhà tôi chung sống nhưng chị C không về. Khoảng 3, 4 tháng sau tôi lại nhờ chi hội Phụ nữ thôn N lên nhà chị C nói chuyện, khuyên nhủ chị C về nhưng chị C vẫn không về. Khoảng 3, 4 tháng sau nữa tôi lại nhờ anh em nhà tôi lên nói chuyện với gia đình chị C để chị C về nhưng chị C cũng không về. Thỉnh thoảng tôi có đưa con lớn lên thăm mẹ và em và sau đó nguyện vọng của cháu lớn lên ở với mẹ nên tôi cho cháu lên đó ở với chị C cho có anh, có em. Còn tôi thỉnh thoảng có đi làm ăn xa vài tháng lại về. Tôi đưa con lên trên nhà chị C nhưng do khó khăn kinh tế nên không có tiền gửi cho chị C nuôi con mà chỉ thỉnh thoảng đón hai con về chơi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng xa cách đã lâu ngày, tình cảm vợ chồng không còn nhưng tôi muốn vợ chồng đoàn tụ để các con có bố có mẹ không phải thiệt thòi.

Về con chung: Tôi và chị C có 2 con chung: Cháu Bùi Việt C, sinh ngày 28/12/2010; Cháu Bùi Việt A, sinh ngày 08/7/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với mẹ. Nếu ly hôn tôi đề nghị được nuôi một cháu cháu nào cũng được và không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không.

\* Tại biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Việt C, sinh năm 2010; cháu có nguyện vọng ở với bố vì cháu ở với ông bà nội quen rồi.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và được quyền nuôi con là cháu Bùi Việt A. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- **Về tố tụng:** Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, không có lý do nên HĐXX áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Thúc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không được tìm hiểu nhau kỹ nên dẫn đến tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống. Anh T không quan tâm đến vợ con, ham chơi cờ bạc và thỉnh thoảng đánh chị C dẫn đến chị C đã phải 05 lần bỏ về nhà mẹ đẻ. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C đã làm đơn xin ly hôn; anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng muốn đoàn tụ để các con có bố có mẹ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử chị C ly hôn anh T.

Về con chung: chị C, anh T có 02 con chung là cháu Bùi Việt C, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Bùi Việt A, sinh ngày 08/7/2014. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy chị C xin nuôi cháu nhỏ; anh T có nguyện vọng nuôi một cháu là cháu nào cũng được. Cháu C có nguyện vọng ở với bố nên xử giao cháu A cho chị C nuôi dưỡng; giao cháu C cho anh T nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định và theo nguyện vọng của hai bên và cháu C.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị C chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]**Về tố tụng:** Anh Bùi Thúc T có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân huyện Q.

[2]**Về hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không được tìm hiểu nhau kỹ nên dẫn đến tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống. Anh T không quan tâm đến vợ con, ham chơi cờ bạc và thỉnh thoảng đánh chị C dẫn đến chị C đã phải 05 lần bỏ về nhà mẹ đẻ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C đã làm đơn xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xử cho chị C ly hôn anh T là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Việt C, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Bùi Việt A, sinh ngày 08/7/2014. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của chị C là nuôi cháu nhỏ; anh T có ý kiến nuôi cháu nào cũng được. Nguyện vọng của cháu C là được ở với bố nên chấp nhận cho chị C nuôi cháu A, anh T nuôi cháu C và không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào là phù hợp với nguyện vọng của hai bên và pháp luật.

Về tài sản chung, công sức: Hai vợ chồng tự giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không.

Về án phí : chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

**Xử :** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Bùi Thúc T.

**1. Về hôn nhân:**

Xử chị Nguyễn Thị C ly hôn anh Bùi Thúc T.

**2. Về con chung:**

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Việt C, sinh ngày 28/12/2010 và cháu Bùi Việt A, sinh ngày 08/7/2014. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con. Giao cháu Bùi Việt A cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Việt C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con cho hai bên cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

**3. Về tài sản chung, công sức chung:**

Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

**4. Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011445 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Thanh**